

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31/3/2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Tâm và bà Bạc Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký phiên tòa - Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2022/TLST-HN&GD ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc Ly hôn; tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cà Thị P; năm sinh: 1989; nơi ĐKKHKT: Bản K, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; nơi ở hiện nay: Bản K, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp; vắng mặt.

- Bị đơn: Lường Văn V, năm sinh: 1991; nơi ĐKKHKT: Bản K, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; hiện nay đang chấp hành án tại đội 47, phân trại K1, Trại giam N; địa chỉ: Xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lường Văn I, sinh năm 1958; địa chỉ: Bản K, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

2. Bà Lường Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: Bản K, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; đại diện theo ủy quyền của bà H có ông Lường Văn I, sinh năm 1958; địa chỉ: Bản K, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; vắng mặt. (Văn bản ủy quyền ngày 21/3/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 02 năm 2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Cà Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Chị Cà Thị P và anh Lường Văn V chung sống với nhau từ năm 2013, sau đó mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 30/8/2016. Kể từ khi kết hôn sống hạnh phúc những năm đầu, sau đó thì mâu thuẫn nguyên nhân là vào năm 2015 chị P phát hiện anh V sử dụng ma túy và đã nghiện ma túy nặng. Vì thương con nên chị P vẫn cố gắng chung sống với anh V và cùng anh V đi làm thuê để kiếm tiền lo cho gia đình. Trong thời gian đi làm thuê, cả anh V và chị P đều vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án tại Trại giam ở Thanh Hóa. Sau khi chấp hành án về, thì vợ chồng quay về nhà chung sống cùng bố mẹ chồng. Khi về địa phương sinh sống, anh V lại tiếp tục sử dụng ma túy. Khi khuyên can, thì anh V không nghe. Cũng chính vì vậy mà vợ chồng mâu thuẫn ngày càng nhiều, vì không thể tiếp tục cuộc sống chung với anh V, chị P đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ cuối năm 2019 cho đến nay. Thời gian chị P không còn chung sống, anh V đã bị bắt và bị xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Nà Tấu, Cục C10, Bộ Công an. Kể từ năm 2019 cho đến nay, chị P không còn liên lạc gì với anh V. Vì không còn tình cảm với anh V, không muốn kéo dài cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, nên chị P đã có đơn khởi kiện xin ly hôn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn với anh Lường Văn V.

Về con chung: Chị Cà Thị P và anh Lường Văn V có 02 con chung, cháu tên là Lường Văn K; sinh ngày 20/01/2013 và Lường Trung K, sinh ngày 15/7/2015. Khi nộp đơn khởi kiện, sau ly hôn chị P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con chung. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết, sau khi đã tiếp nhận ý kiến của anh V, ông I và cháu K; chị Cà Thị P đã thay đổi về nguyện vọng nuôi con. Chị P nhận trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lường Trung K cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Giao cháu Lường Văn K cho anh Lường Văn V nuôi dưỡng; nhưng trong thời gian anh V đi chấp hành hình phạt chưa về, thì giao cháu K cho ông Lường Văn I và bà Lường Thị H là bố mẹ đẻ của anh V giúp đỡ, hỗ trợ anh V nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K cho đến khi anh V ra trại về địa phương. Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị P và anh V không có tài sản, không đề nghị giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ thu về và nợ phải trả; nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Cà Thị P đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại bản tự khai bị đơn anh Lường Văn V trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh Lường Văn V và chị Cà Thị P kết hôn với nhau năm 2016,

nhưng trước đó năm 2013 đã chung sống với nhau. Trong cuộc sống những năm đầu vợ chồng sống hòa thuận; nhưng từ ngày anh V đi chấp hành án thì tình cảm của chị P thay đổi, không thăm anh V trong thời gian anh V vẫn đi chấp hành án năm 2020. Thời gian xa cách giữa hai vợ chồng đã lâu dẫn đến tình cảm không còn, đến nay chị P xin ly hôn, anh V cũng đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án xem xét.

Về con chung: Anh V và chị P có 02 người con chung, là Lường Văn K; sinh ngày 20/01/2013 và Lường Trung K, sinh ngày 15/7/2015. Hiện tại các con đều đang ở cùng với ông Lường Văn I và bà Lường Thị H là bố mẹ đẻ của anh V. Theo anh V cho biết, từ ngày anh V đi chấp hành án, các con vẫn được chăm sóc. Đến nay chị P nhận nuôi cả hai người con, anh V đề nghị Tòa án xem xét giao cho anh V được nuôi cả hai người con.

Về tài sản và nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh, Biên bản lấy lời khai của ông Lường Văn I trình bày như sau: Anh Lường Văn V và chị Cà Thị P kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật. Kể từ khi chung sống với nhau, mấy năm đầu thì vẫn diễn ra bình thường, sau đó vợ chồng P V đi làm thuê ở Hà Nội thì vi phạm pháp luật và đi chấp hành án tại Trại giam ở Thanh Hóa. Sau khi chấp hành xong, thì P về trước V, nhưng sau đó P bỏ đi từ đó cho đến nay. Còn V thì đến năm 2020 tiếp tục phạm tội, nên hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Nà Tấu. Đối với cháu K và cháu K vì từ nhỏ ông đã giúp đỡ, hỗ trợ chị P và anh V nuôi dưỡng, chăm sóc. Thu nhập của vợ chồng ông I và nơi ở ổn định, vẫn đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và học tập cho cháu K và cháu K; vì vậy ông I đề nghị Tòa án xem xét giao cháu K và cháu K cho anh V nuôi dưỡng, khi anh V chưa chấp hành án xong thì ông I sẽ nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc. Ông I không đề nghị chị P phải cấp dưỡng nuôi hai cháu, vì từ trước đến nay việc lo cho các cháu đều do hai vợ chồng ông; không đề nghị giải quyết về phần cấp dưỡng.

Tại Biên bản lấy lời khai của bà Lường Thị H trình bày như sau: Anh Lường Văn V và chị Cà Thị P kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật. Khi anh V và chị P chung sống, không có gì xảy ra. Sau đó khi hai vợ chồng đi làm thuê ở Hà Nội, thì có vi phạm pháp luật và đi chấp hành án tại Trại giam ở Thanh Hóa. Sau khi chấp hành xong hình phạt về nhà sinh sống cùng vợ chồng bà H. Nhưng được một thời gian thì đến năm 2020, V tiếp tục vi phạm pháp luật và đang chấp hành án tại Trại giam Nà Tấu. Khi P ra trại được mấy tháng, thì P bỏ nhà đi luôn cho đến nay. Về con chung của anh V và chị P hiện tại do vợ chồng bà H nuôi dưỡng. Bà H cho rằng, đối với cháu K và cháu K từ nhỏ đều do vợ chồng bà H nuôi dưỡng, chăm sóc. Nếu chị P và anh V ly hôn, bà H đề nghị Tòa án xem xét giao cả hai cháu cho anh V nuôi dưỡng, có sự hỗ trợ, giúp đỡ của bà H và ông I nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc trong thời gian Lường Văn V đang chấp hành án.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Lường Văn K trình bày, nếu chị P và anh V ly hôn, cháu K đề nghị được ở với ông bà nội để chờ bố đi chấp hành án về.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phương, cho chị Phương ly hôn với anh V; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Lường Trung K, sinh ngày 15/7/2015 cho chị Cà Thị P nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; giao cho anh Lường Văn V, có quyền nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc giáo dục cháu Lường Văn K; sinh ngày 20/01/2013 cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động; ông Lường Văn I và bà Lường Thị H có nghĩa vụ hỗ trợ, giúp đỡ anh Lường Văn V nuôi dưỡng, trông nom. Các bên chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nên không đề xem xét về phần cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị P, do chị P là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện của chị Cà Thị P với anh Lường Văn V thì được xác định là vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị Phương nộp đơn khởi kiện, anh V có nơi ĐKKTT tại bản K, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ các thông báo, Quyết định hợp lệ. Tại phiên tòa, chị P, anh V, ông I và bà H vắng mặt và đều có đơn xin vắng mặt, việc đưa ra xét xử vắng mặt của đương sự vẫn đảm bảo quyền lợi cho đương sự, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Hôn nhân: Chị Cà Thị P và anh Lường Văn V chung sống với nhau từ năm 2013, đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 30/8/2016. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc, nên có thể xác định hôn nhân của chị P và anh V là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình. Cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng hạnh phúc những năm đầu, sau đó do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh V không làm chủ được bản

thân nên dẫn đến nghiện ma túy, cũng chính vì nghiện ma túy mà năm 2017 anh V đã bị xử phạt 28 tháng tù. Khi chấp hành án xong, lẽ ra anh V phải tu chí cùng vợ để làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, nhưng anh V không cố gắng rèn luyện, thay đổi bản thân mà tiếp tục sử dụng ma túy, cũng chính từ việc sử dụng ma túy nên đến năm 2020 anh V tiếp tục vi phạm pháp luật và hiện đang chấp hành án tại Trại giam Nà Tấu, Cục C10, Bộ Công an. Có thể thấy, trong suốt quá trình dài của cuộc hôn nhân giữa chị P và anh V thì thấy, anh V không tu chí, không cố gắng để có cuộc sống tốt cùng chị P xây dựng một gia đình hạnh phúc, kinh tế ổn định; mà thiếu trách nhiệm, đã có hành vi vi phạm pháp luật; cũng chính vì vậy đã dẫn đến chị P phải bỏ về nhà mẹ đẻ ở bản K, xã M. Quá trình giải quyết, Tòa án cũng động viên chị P chờ anh V chấp hành xong hình phạt, cho anh V cơ hội để đoàn tụ, nhưng chị P cho rằng chị không còn tình cảm với anh V, nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Do anh V đang chấp hành án tại trại giam Nà Tấu, nên Tòa án cũng đã tiến hành trực tiếp gặp anh V tại trại giam để lấy ý kiến của anh V, nhưng anh V cũng có ý kiến anh V và chị P không thể đoàn tụ nên cũng đồng ý ly hôn với chị P. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của của chị P và anh V thì thấy rằng, giữa hai anh chị đã không còn chung sống một thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau, chị P cũng không đi thăm anh V tại trại giam. Từ những căn cứ trên thấy rằng, tình cảm vợ chồng của chị P và anh V đã rạn nứt, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình; để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cà Thị P, cho chị Cà Thị P ly hôn với anh Lường Văn V.

[2.2] Về con chung: Xét về điều kiện nuôi con chung và nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Kh và cháu K của các bên đương sự HĐXX thấy rằng: Cháu K và cháu K hiện tại đều đang được ông I và bà H thay chị P và anh V nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Trong quá trình nuôi dưỡng các cháu ông I và bà H vẫn đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và học tập cho các cháu như những đứa trẻ cùng trang lứa ở địa phương đang sinh sống. Quá trình giải quyết, anh V có nguyện vọng được nhận cả hai người con chung nuôi dưỡng, vì hiện tại anh V đang chấp hành án nên sẽ nhờ bố mẹ giúp đỡ trong việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc các cháu cho đến khi anh V đi chấp hành án về. Xét nguyện vọng của anh V và sự tự nguyện của ông I và bà H là hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng được sống với ông bà nội của cháu K và ý kiến đồng ý của chị P giao cháu K cho anh V nuôi dưỡng. Do đó cần chấp nhận giao cháu K cho anh V nuôi dưỡng, ông I và bà H có nghĩa vụ giúp đỡ, hỗ trợ anh V nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục các cháu trong thời gian anh V đang chấp hành án tại Trại giam. Còn đối với cháu K, mặc dù các bên đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu K, tuy nhiên cần xét đến nguyện vọng của chị P, cũng như quy định của pháp luật về nghĩa vụ nuôi dưỡng con của cha mẹ thì thấy: Với thu nhập hiện tại và nơi ở của chị P; thì thấy có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu K, hơn nữa cháu K còn nhỏ chưa tự chăm sóc bản thân, vì vậy cần giao cháu K cho chị P nuôi chăm sóc; đó cũng chính là quyền được nuôi dưỡng, yêu thương con mình của chị P và quyền được

chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ của cháu K. Việc giao cháu K cho chị P nuôi dưỡng, không những đảm bảo cho cuộc sống của cháu K được tốt hơn và cũng giảm bớt gánh nặng cho ông I, bà H khi tuổi đã cao, anh V thì đang chấp hành án. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K của chị P. Việc giao cho các bên đều có trách nhiệm nuôi dưỡng con, sẽ đảm bảo cho các con có một cuộc sống ổn định, điều này giúp con có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy cần căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, để giao cho chị Cà Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu K cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Giao cho anh Lương Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu K cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Ông Lương Văn I và bà Lương Thị H có nghĩa vụ giúp đỡ, hỗ trợ anh Lương Văn V nuôi dưỡng cháu K và cháu K trong thời gian anh V đang chấp hành án. Các bên đều không yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng, nên HĐXX không giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

[3.2] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4.2] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn án phí. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Cà Thị Phương đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị P được ly hôn với anh Lương Văn V.

2. Về con chung: Giao cho chị Cà Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lương Trung K, sinh ngày 15/7/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động; giao cho anh Lương Văn V nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lương Văn K; sinh ngày 20/01/2013 cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động; trong thời gian anh Lương Văn V đang chấp hành án, ông Lương Văn

I và bà Lường Thị H có nghĩa vụ giúp đỡ, hỗ trợ anh V nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu K cho đến khi anh V chấp hành án trở về. Các bên chưa cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Cà Thị P, anh Lường Văn V có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Chị Cà Thị P, anh Lường Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh V, chị P thực hiện quyền này.

Chị Cà Thị P, anh Lường Văn V có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Cà Thị P được miễn án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Cà Thị P, anh Lường Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Ông Lường Văn I và bà Lường Thị H có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga